

Số: 06/2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 06 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 3297/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Các dự án, công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt đầu tư trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, LĐT&XH, NN&PTNT;
- Ủy ban Dân tộc, Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Trang TTĐT cơ quan;
- Lưu VT, CT.HĐND, HC-TC-QT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Quang BKrông

QUY ĐỊNH

Cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong việc huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương 2

CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC KHÁC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 3. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng: Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng thương mại; vốn ngân sách nhà nước các cấp ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

Điều 4. Nguyên tắc huy động vốn

1. Khuyến khích, huy động tối đa nguồn vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Huy động nguồn vốn để thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn kết, phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương và hướng tới hoàn thành các mục tiêu đề ra của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Hoạt động huy động nguồn vốn được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, huy động bằng nhiều hình thức (*đóng góp bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*); đảm bảo cơ chế giám sát của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể và của cộng đồng dân cư.

4. Các nguồn vốn huy động phải được sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung công việc cụ thể đã thống nhất. Khi hoạt động, nội dung, dự án hoàn thành còn dư vốn huy động thì được chuyển qua đầu tư cho hoạt động, nội dung, dự án khác trên cùng địa bàn các thôn, bon, buôn, bản (*gọi tắt là các thôn*) và phải thông báo công khai cho đối tượng đóng góp biết.

5. Việc huy động nguồn vốn gắn với các dự án chỉ sử dụng một nguồn vốn hoặc dự án lồng ghép có chung mục tiêu, đối tượng trên địa bàn phải dựa trên cơ sở thỏa thuận rõ về sự tham gia vào quá trình thẩm định, phê duyệt, thủ tục hạch toán, đối ứng, quản lý tài chính đối với phần vốn góp của các bên đóng góp để khuyến khích góp vốn chung. Giá trị huy động các nguồn vốn khác phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phải được theo dõi, đánh giá tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 5. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng

1. Phương thức huy động

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội; Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã; vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và từ các tổ chức tín dụng thương mại để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các chính sách tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ; các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tín dụng đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ tín dụng cho người nghèo.

b) Hằng năm, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân (*cấp tỉnh, cấp huyện*) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật.

2. Sử dụng nguồn vốn tín dụng

a) Nguồn vốn tín dụng từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

b) Vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan.

c) Nguồn vốn tín dụng thương mại: Thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng và thỏa thuận riêng giữa bên vay và bên cho vay.

Điều 6. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác

1. Phương thức huy động

a) Thông qua việc thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của Trung ương và của tỉnh, tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tập trung nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Huy động nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho từng hoạt động, nội dung, dự án cụ thể hoặc cho ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Huy động nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc huy động nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư phải được bàn bạc dân chủ, được người dân nhất trí; phải thực hiện công khai danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tỷ lệ đóng góp cho từng dự án, nội dung cụ thể và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

2. Sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp khác

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

b) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

c) Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (không thuộc nguồn vốn quy định tại điểm b khoản này): Đối với khoản đóng góp, viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước; đối với các khoản đóng góp, viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

d) Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước; đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hoạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

Điều 7. Công khai tài chính nguồn vốn huy động hợp pháp khác

1. Nội dung công khai: Kết quả huy động vốn (*đối tượng, thời gian, hình thức, mức huy động, đóng góp của các đối tượng*); việc sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; số chênh lệch thu, chi phải được công khai (nếu có).

2. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Nhà văn hóa các thôn; thông báo trên hệ thống truyền thanh cấp xã, các thôn và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát nguồn vốn huy động hợp pháp khác

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động huy động đóng góp, sử dụng nguồn vốn để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung kêu gọi đầu tư, hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời chấn chỉnh những sai sót có thể xảy ra để điều chỉnh, xử lý kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nguồn vốn trong huy động và quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật; đồng thời kiểm tra, giám sát việc công khai, minh bạch trong huy động, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật.

Chương 3

CƠ CHẾ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Điều 9. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo tỷ lệ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng các nội dung, công trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư (*không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng*).

b) Phần còn lại giao các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động và huy động các nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện theo quy định tại tiết 7 điểm b khoản 1 mục V của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này.

2. Thứ tự ưu tiên trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu do ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau

a) Thứ nhất: Đường giao thông (gồm: đường trục thôn, bon, buôn, bản; đường liên thôn, bon, buôn, bản; đường ngõ xóm; đường xã và đường trục chính nội đồng).

b) Thứ hai: Trường học (gồm: Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trường Mầm non).

c) Thứ ba: Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Thứ tư: Các công trình khác thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã phải thực hiện cơ bản hoàn thành ưu tiên thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó mới lập kế hoạch triển khai thực hiện nội dung ưu tiên thứ tư, trừ trường hợp các xã có khả năng đạt chuẩn trong năm kế hoạch; đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới thì thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình, dự án theo sự sắp xếp của xã phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Nếu Trung ương có quy định khác về thứ tự ưu tiên so với thứ tự ưu tiên nêu trong Nghị quyết này cho một nguồn vốn cụ thể thì thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

Điều 10. Phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã

Để lại nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã do UBND cấp huyện trực tiếp quyết định thực hiện thì để lại cho ngân sách xã đó thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, với tỷ lệ cụ thể như sau: (1) Đối với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã 70%; (2) Đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã tối thiểu 30%. Phần còn lại để lại ngân sách cấp huyện điều tiết chung.

Phụ lục
MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐẮK NÔNG
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc huyện nghèo	Các xã còn lại
I	Công trình giao thông nông thôn			
1	Đường giao thông đến trung tâm xã	%	97	95
2	Đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm	%	90	85
3	Đường giao thông nội đồng	%	90	85
4	Cống qua đường giao thông nông thôn; rãnh thoát nước; công trình thoát nước thải khu dân cư	%	90	85
5	Cầu qua đường giao thông nông thôn	%	90	85
II	Hệ thống thủy lợi nội đồng, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai			
6	Cải tạo, xây mới hệ thống kênh mương và công trình trên kênh	%	95	85
7	Công trình phòng chống thiên tai cấp xã	%	97	95
III	Công trình giáo dục			
8	Cơ sở vật chất trường học (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở).	%	97	95
IV	Công trình văn hóa			
9	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao	%	97	95
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bon, buôn, bản	%	95	85
11	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	%	97	95
V	Công trình cấp nước sinh hoạt			

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã thuộc huyện nghèo	Các xã còn lại
12	Công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn	%	97	95
VI	Công trình vệ sinh môi trường nông thôn			
13	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản	%	95	85
14	Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của cụm xã, xã và các thôn (<i>không bao gồm đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã</i>)	%	95	85
15	Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	%	95	85
VII	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			
16	Đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn	%	97	95
VIII	Hạ tầng thương mại nông thôn			
17	Chợ nông thôn	%	95	90
IX	Cải tạo cảnh quan nông thôn			
18	Sửa chữa, chỉnh trang, xây mới tường rào, cổng ngõ, các công trình kiến trúc của hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thi công các công trình công cộng (<i>áp dụng đối với các hộ gia đình tự nguyện hiến đất, tháo dỡ các công trình của gia đình để thực hiện xây dựng các công trình công cộng</i>)	%	50	40